

Bản án số: 18/2021/HN&GD - ST

Ngày: 20/9/2021

Về việc “Ly hôn,

tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THI XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

Đại diện VKSND thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Bảo Anh – Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 09 năm 2021 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 145 /2021/TLST – HN&GD Ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-ST ngày 27/8/2021; Quyết định hoãn phiên toà số 22/QĐHPT ngày 14/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hồng N , sinh năm 1998

ĐKHKT: Xóm Xuân Vinh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Trịnh Xuân H , sinh năm 1995

ĐKHKT: Xóm Xuân Vinh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/6/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh và Trịnh Xuân H kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn chị về gia đình anh H làm dâu chung sống cùng chồng và bố mẹ chồng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy thỉnh thoảng cũng có bất đồng nhưng vợ chồng vẫn cố gắng cùng nhau vun vén hạnh phúc. Từ thời điểm tháng 3/2019 khi chị sinh con anh H không tập chung vào làm ăn mà lao vào con đường chơi cờ bạc, không phụ giúp chị nuôi dưỡng và chăm sóc con cái dẫn đến việc nhiều lần cả hai cãi vã mâu thuẫn. Thậm chí trong những lúc nóng giận, anh H còn dùng vũ lực đối với chị. Do mâu thuẫn nên chị đã chuyển ra ngoài sinh sống, không ở chung cùng anh H và gia đình chồng nữa. Từ thời điểm đó, vợ chồng cũng không nói chuyện về việc đoàn tụ vợ chồng, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Đến nay chị xác định hôn nhân giữa chị và anh Hưng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không tìm được tiếng nói chung, do vậy việc ly hôn là giải pháp tốt nhất cho cả hai tránh cãi vã mâu thuẫn căng thẳng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để chị được sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung cháu Trịnh Ngọc Bảo H, sinh ngày 03/3/2019. Nay ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2021, bị đơn anh Trịnh Xuân H trình bày:

Về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và chung sống giữa anh với chị N như chị Ngọc trình bày là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 vợ chồng mới bắt đầu mâu thuẫn, chị N tự ý bỏ nhà đi, anh có gọi điện thoại khuyên chị N về nhưng chị N kiên quyết không về đoàn tụ. Nay chị N có đơn ly hôn anh không đồng ý ly hôn, nguyện vọng muốn vợ chồng và con cái đoàn tụ. Trong trường hợp chị N cương quyết ly hôn, anh yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Bảo H, sinh ngày 03/3/2019 như chị N trình bày là đúng. Nay chị N đề nghị ly hôn và đề nghị được trực tiếp nuôi con anh không đồng ý. Trong trường hợp phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng;

Tài sản chung, khoản nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, bị đơn anh Trịnh Xuân H không thực hiện đúng. VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Ngọc được ly hôn anh Hưng.

+ Về con chung: áp dụng 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị giao con chung cháu Trịnh Ngọc Bảo H , sinh ngày 03/3/2019 cho chị Bùi Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Hưng cho đến khi có yêu cầu. Anh H được quyền thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không xem xét.

+ Án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng N khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn anh Trịnh Xuân H, anh H có đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm Xuân Vinh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị Hồng N là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ, VKSND thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS 2015.

[2.3] Về thủ tục hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/7/2021. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn, không nhất trí ký biên bản hòa giải. Do vậy, Tòa án căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng Dân sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Hồng N và anh Trịnh Xuân H tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Trung Thành ngày 24/12/2018, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Hồng N Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn, chị N chung sống cùng gia đình anh H tại xóm Xuân Vinh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Đời sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh chị vẫn bỏ qua cho nhau để vun vén gia đình. Mâu thuẫn chỉ thực sự trở nên căng thẳng khi chị N sinh con. Nguyên nhân chị N đưa ra là do anh H mãi chơi, không quan tâm, vun vén gia đình, không hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con nhỏ nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau, trong cơn nóng giận, thậm chí anh còn đánh chị khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt và chị đã sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Từ đó anh chị mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Phía anh H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, chị N tự ý bỏ nhà đi, anh có gọi điện khuyên chị về nhưng chị N không về. Lời trình bày của anh chị hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị N – là bố mẹ đẻ của anh Hưng tại biên bản xác minh của Tòa án với ông bà. Theo ông Thái, bà N cho biết, quá trình chung sống giữa chị N, anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau do tị nạnh nhau bữa cơm, công việc nhà. Chị N đã nhiều lần tự ý bỏ gia đình đi, lần cuối cùng là vào tháng 5/2021, từ đó đến nay, chị N không về nhà. Ông bà cũng khuyên anh H đón vợ về nhưng nếu về chị N phải sửa đổi tính nết, chịu khó làm ăn, cáng đáng công việc nhà nhưng đến nay anh H cũng không nói chuyện gì với ông bà về việc chị Ngọc có về nhà tiếp tục chung sống nữa hay không. Do đó, việc anh chị mâu thuẫn và hiện tại không sống chung với nhau là thực tế.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình ghi: “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau...* ”. Tuy nhiên, từ lời khai của chị N, anh H và của bố mẹ anh Hưng cho thấy, anh chị đã không còn chung sống với nhau nhiều tháng nay.

Xét nguyện vọng xin đoàn tụ của anh H là chính đáng, tuy nhiên anh H không đưa ra được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, việc kiên quyết xin ly hôn của chị N cho thấy, chị đã hết tình cảm với anh và không có nguyện vọng muốn đoàn tụ vợ chồng. Tình cảm không thể là cưỡng ép, nếu một mình anh H muốn đoàn tụ. Điều đó cho thấy hôn nhân của chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia*

đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N , cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 19 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. *Về con chung*: Quá trình chung sống, chị Ngọc và anh Hưng có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Bảo Hân, sinh ngày 03/3/2019, hiện con chung đang chị Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, cả anh Hưng và chị Ngọc đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét nguyện vọng được nuôi con chung của anh chị, HĐXX nhận thấy:

Cháu Trịnh Ngọc Bảo H , sinh ngày 03/3/2019, tính đến thời điểm xét xử, cháu Hân mới được 30 tháng 14 ngày. *Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định : “ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng..; hoặc cha mẹ có thoả thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.* Cháu H hiện tại đang ở cùng với mẹ, được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị N hiện đang làm tại công ty Hasol, mức thu nhập bình quân hàng tháng 6.000.000đ. Giữa chị N và anh H cũng không có thoả thuận gì về việc giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Bên cạnh đó, cháu Hân hiện tại còn nhỏ, chưa được 36 tháng tuổi, rất cần được sự chăm sóc của mẹ và theo quy định tại Điều luật trên, HĐXX xét thấy cần thiết phải giao cháu Hân cho chị Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đề nghị được nuôi con của chị Ngọc là có căn cứ, được chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng: chị Ngọc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi có yêu cầu.

[3.3]. *Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung*: không có, không đặt ra việc giải quyết.

[4]. *Án phí*: chị Ngọc phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[6]. Đề nghị của VKS tại phiên toà phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;

- Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Bùi Thị Hồng N với anh Trịnh Xuân H .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng N được ly hôn với anh Trịnh Xuân H .

2. Về con chung: Giao con chung: cháu Trịnh Ngọc Bảo H , sinh ngày 03/3/2019, cho chị Bùi Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hưng cho đến khi có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

3. Tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Các khoản nợ chung, cho vay chung: không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. Án phí: Chị Bùi Thị Hồng N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị N được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0005225 ngày 17/6/2021, (xác nhận đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Ngọc và anh Hưng tại phiên toà. Báo cho biết, chị N , anh H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Trung Thành, TX Phổ Yên (nơi ĐKKH);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

